

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 127/2021/HS - PT

Ngày 04 – 5 – 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Tuấn, bà Trần Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 89/2021/TLPT-HS ngày 15 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Kiều Văn L về tội “Trộm cắp tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2021/HS - ST ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: Kiều Văn L; sinh năm: 1972; tại: thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; con ông Kiều Văn A và bà Nguyễn Thị M (đều đã chết); bị cáo có vợ là Phạm Thị V và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/01/1995, bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại bản án 03/HSST; ngày 10/7/2002 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt là 30 tháng tù, tại bản án số 116/HSST, ngày 18/02/2004 chấp hành xong hình phạt; ngày 30/3/2005, bị Tòa án

nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 58/2005/HSPT

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/10/2020 đến nay. Hiện đang tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/10/2020 và ngày 13/10/2020, Kiều Văn L đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ ngày 12/10/2020, Kiều Văn L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius F1 màu xanh đen, biển số 47B2 – 691.xx đi trên các tuyến đường trên địa bàn thành phố B tìm người dân nào có tài sản sơ hở để trộm cắp. Khoảng 09 giờ cùng ngày, L đi đến tiệm mua bán dụng cụ gia đình TT ở địa chỉ PBC, phường TN, thành phố B do chị Nguyễn Thị T làm chủ. Tại đây, L nói dối chị T đang làm chủ thầu xây dựng nên cần mua số lượng lớn đồ dùng chén bán cho công nhân và yêu cầu chị T chuẩn bị hàng cho mình xem. Khi chị T đi lấy hàng, L phát hiện trên mặt quầy thanh toán tiền có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng của chị T nên L đã lén lút trộm cắp điện thoại trên bỏ vào túi quần cất giấu. Sau đó, L nói chị T đi ra ngoài có công việc tý quay lại lấy hàng và điều khiển xe mô tô tẩu thoát. L mang điện thoại vừa trộm được đến cửa hàng điện thoại di động TB ở địa chỉ Y, phường TT, thành phố B do anh Vũ Văn C làm chủ để bán. Do anh C không biết điện thoại là tài sản trộm cắp mà có nên đã mua với giá 600.000 đồng. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị T đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột. Đến ngày 15/10/2020, anh Vũ Văn C đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 237/KLĐG ngày 03/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại hiệu Iphone 6 Plus màu vàng trị giá 2.300.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 15 giờ 13/10/2020, Kiều Văn L điều khiển xe mô tô biển số 47B2 – 691.xx đi tìm tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, L đến tiệm mua bán lưới HM ở địa chỉ: PVD, phường TH, thành phố B do chị Vũ Thị D làm chủ hỏi mua lưới quây gà với số lượng lớn và yêu cầu chị D cho L xem hàng. Khi chị D đi lấy hàng, L phát hiện trên kệ sắt trong tiệm có 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 9, màu xanh của anh Nguyễn Ngọc G (là nhân viên của tiệm), trú tại: NVL, phường TA, thành phố B đang sạc pin nên L lén lút trộm cắp điện thoại cất giấu vào túi quần và nói với chị D có việc đi ra ngoài lát

quay lại lấy hàng rồi điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Sau đó, L mang điện thoại Samsung Galaxy Note 9 vừa trộm cắp được đến cửa hàng di động TB ở địa chỉ: Y, phường TT, thành phố B do anh Vũ Văn C làm chủ để bán. Do anh C không biết điện thoại là tài sản trộm cắp mà có nên đã mua với giá 1.600.000 đồng, rồi bán lại cho một người khách (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với giá 1.800.000 đồng. Sau khi bị phát hiện bị mất tài sản, anh G đã trình báo cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 229/KLĐG ngày 30/10/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 9 màu xanh, trị giá: 5.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 256/KLĐG ngày 16/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius F1 màu xanh đen, biển số 47B2 – 691.51, trị giá 18.900.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2021/HS - ST ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Kiều Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Kiều Văn L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/10/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/02/2021 bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra; các tình tiết giảm nhẹ đã được cấp

sơ thẩm áp dụng đầy đủ, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, với mục đích vụ lợi cá nhân, muốn có tiền để tiêu xài nên vào ngày 12/10/2020 và 13/10/2020, Kiều Văn L đã thực hiện hai vụ trộm cắp, tài sản bị cáo trộm cắp là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 9 màu xanh, với tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp được là 7.800.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thấy rằng: Mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về các tội Gây rối trật tự công cộng, Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần cách phải ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Kiều Văn L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kiều Văn L, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 60/2021/HS - ST ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Kiều Văn L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 16/10/2020.

[3] .Về án án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Kiều Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- TAND Tp.BMT
- Công an TP. BMT;
- VKSND TP. BMT;
- Sở Tư pháp;
- THA hình sự Tp. BMT;
- THADS Tp. B;
- Bị cáo;
- Những người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhung